

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HSST
Ngày 25/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiên Thịnh;
2. Bà Đặng Thị Việt Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2022/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐ-HPT ngày 25 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn T**, sinh ngày: 09/9/1980. Nơi sinh: Tỉnh T1. Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T1. Chỗ ở hiện nay: Khu tái định cư thuộc thôn Q, xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T2 và bà Bùi Thị C; vợ: Hà Thị H; có 02 con; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội Đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành án phạt tù; nhân thân: Bản án số 623/HSST ngày 15/5/2000 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “Cướp tài sản của công dân”; bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay.

2. **Dương Duy Đ3**, sinh ngày 22/5/1972. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn C1, xã Đ4, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Ngọc Q1 (đã chết) và bà Phạm Thị L; vợ: Nguyễn Thị

L1, có 03 con; tiền sự: Không, tiền án: Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội Đánh bạc, bị cáo chưa chấp hành án phạt tù, nhân thân: Bản án số 181/2013/HSST ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”. Thi hành xong án phí ngày 24/11/2013. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 148 ngày 23/02/2012 của Công an thành phố Thái Bình xử phạt về hành vi làm chủ số lô, đề, phạt tiền 10.000.000 đồng và tịch thu 9.980.000 đồng sung quỹ nhà nước, thi hành xong ngày 02/5/2012. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay.

3. **Phạm Bắc A**, sinh ngày 06/01/1983. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn P , xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Cảnh T3 và bà Đào Thị G; vợ: Trần Thị H1; có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội đánh bạc; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 162/QĐXPVPHC ngày 09/5/2011 của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh T1, về hành vi đánh bạc, phạt tiền 2.000.000 đồng. Đã thi hành xong ngày 10/5/2011. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 chuyển tạm giam cho đến nay.

4. **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 01/02/1980. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn T4, xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q2 (đã chết) và bà Phạm Thị N; vợ: Trần Thị H2, có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPVPHC ngày 21/01/2022 của UBND huyện Đ1, tỉnh T1 về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.500.000 đồng. Bị bắt tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Trần Minh Đ5**, sinh ngày 08/02/1990. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn P , xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T5 và bà Hà Thị D; vợ: Hà Thị Thu H3; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3398/QĐ-XPVPHC ngày 05/4/2017 của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh T1 về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.000.000 đồng, đã thi hành xong ngày 13/4/2017; bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. **Nguyễn Văn H4**, sinh ngày: 01/6/1979. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn H5, xã Đ4, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ6 và bà Nguyễn Thị L2; vợ: Nguyễn Thị H6, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6020/QĐ-XPHC ngày 13/9/2016 của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh T1 về hành vi đánh bạc, phạt tiền 1.000.000 đồng, chấp hành xong ngày 13/9/2016. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. **Phạm Thị Q3**, sinh ngày 08/8/1972. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn Đ7, xã Đ8, Huyện Đ1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn C2 (đã chết) và bà Hoàng Thị N1 (đã chết); Chồng: Lại Hồng A1, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 254/QĐ-XPHC ngày 26/8/2013 của Công an huyện Đông Hưng, tỉnh T1 về hành vi ghi số đề, phạt tiền 1.500.000 đồng, tịch thu tiền bán đề 350.000 đồng và tiền thu lợi bất chính 540.000 đồng. Thi hành xong các khoản trên ngày 28/8/2013. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. **Bùi Văn H7**, sinh ngày 03/7/1973. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn T4, xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn S (đã chết) và bà Dương Thị D1; Vợ: Dương Thị Thúy N2, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 181/2013/HSST ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt tiền 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, số tiền dùng để đánh bạc tịch thu sung quỹ Nhà nước 150.000 đồng. Đã thi hành án dân sự vào ngày 24/12/2013, thi hành xong hình phạt tiền vào ngày 11/12/2015. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. **Phạm Văn H8**, sinh ngày 16/12/1990. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn P , xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn V (đã chết) và bà Phạm Thị T6; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. **Vũ Ngọc T7**, sinh ngày 10/9/1977. Nơi sinh: Tỉnh T1. Nơi cư trú: Thôn L3, xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Đức T8 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1; Vợ: Đào Thị Thanh L4, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 02/4/2022, Phạm Bắc A, Nguyễn Văn B, Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Dương Duy Đ3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7, Vũ Ngọc T7 đến nhà Phạm Văn T chơi, tại đây cả nhóm thấy bộ bài tú lơ khơ 52 cây có sẵn tại nhà T nên cùng rủ nhau chơi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi ba cây. Cả nhóm T4 cách chơi như sau: Bỏ các quân bài 10, J, Q, K trong bộ bài lơ khơ 52 quân, còn lại 36 quân bài thì người cầm chương chia 36 quân bài cho mỗi người chơi ba quân bài, theo chiều từ phải sang trái, sau đó, người chơi bắt đầu cược tiền, đặt thấp nhất là 50.000 đồng, đặt cao nhất là 100.000 đồng. Khi người chơi lên bài cộng điểm ba quân bài lại và tính điểm thắng, thua với người cầm chương, bằng cách: Cộng tổng ba quân bài, nếu tổng từ 11 trở lên thì lấy số hàng đơn vị, cao nhất là 10 điểm, thấp nhất là 01 điểm. Nếu bằng điểm thì tính theo thứ tự chất rô, cơ, tép, bích. Nếu điểm trên bài của người chơi cao hơn điểm của người cầm chương thì thắng và được người cầm chương trả cho số tiền bằng số tiền đã đặt cược, nếu điểm thấp hơn người cầm chương thì thua và người chơi phải trả cho người cầm chương số tiền đã đặt cược. Nếu người chơi có bài điểm số cao nhất trong ván bài thì sẽ là người cầm chương và là người chia bài của ván bài tiếp theo. Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, cả nhóm bắt đầu chơi, T là người cầm chương và là người chia ván bài đầu tiên. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Thu tại chỗ các đối tượng ngồi đánh bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 tấm thảm hình chữ nhật màu vàng, viền xanh có kích thước (2,4 x 1,8) m và 26.300.000 đồng (Gồm 85 tờ tiền trong đó có: 40 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 23 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 12 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 10 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng).

Các bị cáo khai sử dụng số tiền đánh bạc như sau: Phạm Văn T 3.100.000 đồng; Phạm Văn H8 3.000.000 đồng; Vũ Ngọc T7 2.900.000 đồng; Dương Duy Đ3 2.850.000 đồng; Phạm Bắc A 2.750.000 đồng; Trần Minh Đ5 2.700.000 đồng; Nguyễn Văn H4 2.450.000 đồng; Phạm Thị Q3 2.300.000 đồng; Nguyễn Văn B 2.200.000 đồng; Bùi Văn H7 2.050.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 89/KL-KTHS (TL) ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: 85 tờ tiền trong đó có: 40 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 23 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 12 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 10 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, giám định là tiền thật.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Hành vi đánh bạc của các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu là đúng.

Bản cáo trạng số 89/VKSTP ngày 16/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 truy tố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Bắc A, Nguyễn Văn B, Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Dương Duy Đ3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7, Vũ Ngọc T7 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T1 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về Hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Phạm Văn T: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.2. Đối với bị cáo Phạm Bắc A: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Bắc A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” nay chuyển thành 03 năm tù. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022 (Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên: Từ ngày 24/6/2020 đến 21/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.3. Đối với bị cáo Dương Duy Đ3: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Duy Đ3 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022

(Được trừ thời gian đã tạm giam của Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình: Từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021).

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.4. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án (Được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.5. Đối với bị cáo Trần Minh Đ5: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ5 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.6. Đối với bị cáo Phạm Thị Q3: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Q3 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.7. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H4: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.8. Đối với bị cáo Bùi Văn H7: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H7 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.9. Đối với bị cáo Phạm Văn H8: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H8 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

1.10. Đối với bị cáo Vũ Ngọc T7: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T7 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án

treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 đến 15 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.300.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài đã qua sử dụng là công cụ phạm tội; 01 tấm hình chữ nhật màu vàng, viền xanh, kích thước (2,4 x 1,8) mét.

3. Án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không bào chữa và đều không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên là các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang;
- Các biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ;
- Bản kết luận giám định số 89/KL-KTHS (TL) ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 15 phút đến 23 giờ 00 phút ngày 02/4/2022, tại nhà của Phạm Văn T, tại khu tái định cư thuộc thôn Q, xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1, Phạm Văn T cùng Phạm Bắc A, Dương Duy Đ3, Nguyễn Văn B, Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7, Vũ Ngọc T7 đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh ba cây bằng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sau khi đã bỏ các quân bài 10, J, Q, K còn lại 36 quân bài đã bị lực lượng Công an thành phố

Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Thu tại chiều bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 tấm thảm hình chữ nhật màu vàng, viền xanh và tổng số tiền 26.300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Tội “Đánh bạc” quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo: Xuất phát từ việc muốn kiếm tiền nhanh không bằng công sức lao động chính đáng. Các bị cáo biết việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý vi phạm. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, kỷ cương pháp luật, là mầm mống của một số tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo làm thiệt hại đến kinh tế, gây rạn nứt hạnh phúc gia đình. Vì vậy cần xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, không có ai tổ chức, canh coi, thu tiền hồ và cho vay tín dụng. Bị cáo T là người để các bị cáo chơi đánh bạc tại nhà ở của mình, là người lấy bộ bài, chia bài, là người cầm chương ván bài đầu tiên, là người tích cực nhất nên giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền đánh bạc xấp xỉ nhau, vì vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau, xếp vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn T, Dương Duy Đ3, Phạm Bắc A là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử. Bị cáo Nguyễn Văn B có một tiền sự, bị xử phạt về hành vi đánh bạc. Các bị cáo Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7 không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử và bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo Phạm Văn H8 và Vũ Ngọc T7 không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

[5.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5.2.1] Các bị cáo Phạm Văn T, Dương Duy Đ3, Phạm Bắc A đều có một tiền án chưa được xóa án tích, do vậy các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng, tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2.2] Các bị cáo Nguyễn Văn B, Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7 và Vũ Ngọc T7 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.3.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T, Dương Duy Đ3, Phạm Bắc A, Nguyễn Văn B, Bùi Văn H7 đã thành khẩn khai báo. Các bị cáo Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Nguyễn Văn H4, Phạm Văn H8, Vũ Ngọc T7 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3.2] Các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Thị Q3, Trần Minh Đ5, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4 và Vũ Ngọc T7 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3.3] Bị cáo Trần Minh Đ5 có thời gian tham gia quân đội; bị cáo Phạm Văn T có bố mẹ để được tặng thưởng Huân, Huy chương; bị cáo Nguyễn Văn H4 có bố mẹ là bệnh binh và được tặng thưởng Huân, Huy chương; bị cáo Vũ Ngọc T7 có mẹ để được tặng thưởng Huy chương, nên các bị cáo Đ5, T, H4, T7 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt:

[6.1] Hình phạt chính:

[6.1.1] Các bị cáo Phạm Văn T, Dương Duy Đ3, Phạm Bắc A, Nguyễn Văn B có tiền án, tiền sự, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Bắc A phạm tội mới trong thời gian thử thách nên hình phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 01/2021/HS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên chuyển thành 03 năm tù và tổng hợp hình phạt của Bản án này.

[6.1.2] Các bị cáo Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4 và Vũ Ngọc T7 không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Bùi Văn H7, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, không phải là bị cáo có vai trò chính trong vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú.

[6.2] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo dùng tiền để đánh bạc sát phạt nhau, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh T1 phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án:

[8.1] Bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài đã qua sử dụng là công cụ phạm tội và 01 tấm hình chữ nhật màu vàng, viền xanh, kích thước (2,4 x 1,8) mét, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Số tiền 26.300.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tội danh - Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Bắc A, Dương Duy Đ3, Nguyễn Văn B, Trần Minh Đ5, Phạm Thị Q3, Phạm Văn H8, Nguyễn Văn H4, Bùi Văn H7, Vũ Ngọc T7 về tội "*Đánh bạc*".

2/ Hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Phạm Văn T: Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "*Đánh bạc*". Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Đối với bị cáo Phạm Bắc A: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Bắc A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 65, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "*Đánh bạc*" nay chuyển thành 03 năm tù. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022 (Được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của Bản án số 01/2021/HSST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên: Từ ngày 24/6/2020 đến 21/8/2020).

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.3. Đối với bị cáo Dương Duy Đ3: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Duy Đ3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2022 (Được trừ thời gian đã tạm giam của Bản án số 09/2022/HSPT ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình: Từ ngày 04/01/2021 đến ngày 29/01/2021).

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.4. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án (Được trừ đi thời gian đã tạm giữ từ ngày 03/4/2022 đến ngày 08/4/2022).

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.5. Đối với bị cáo Trần Minh Đ5: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ5 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.6. Đối với bị cáo Phạm Thị Q3: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Q3 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.7. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H4: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.8. Đối với bị cáo Bùi Văn H7: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn H7 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.9. Đối với bị cáo Phạm Văn H8: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị

cáo Phạm Văn H8 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

2.10. Đối với bị cáo Vũ Ngọc T7: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T7 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Ngọc T7, Bùi Văn H7 cho UBND xã Đ2, thành phố T1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Phạm Văn H8, Trần Minh Đ5 cho UBND xã Đ, huyện Đ1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H4 cho UBND xã Đ4, thành phố T1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Thị Q3 cho UBND xã Đ8, huyện Đ1, tỉnh T1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 26.300.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc; tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài đã qua sử dụng; 01 tấm hình chữ nhật màu vàng, viền xanh, kích thước (2,4 x 1,8) mét.

(Vật chứng của vụ án Công an thành phố Thái Bình đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 16/6/2022).

4/ Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2022).

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Tuyết

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết